

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,795.21	↓ -3.12%	272.68	↓ -3.49%
KLGD (trCP)	2,952.39	↑ 135.8%	238.32	↑ 172.4%
GTGD (tỷ VND)	76,423.04	↑ 123.7%	3,825.71	↑ 173.3%

Top Giao dịch ròng NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

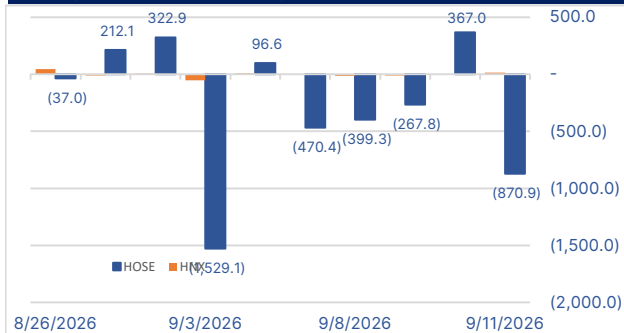
-198.7	VPB	BSR	134.6
-222.0	CTG	TCB	150.7
-229.0	VCB	VIC	157.2
-40.7	SSI	HPG	257.4
-688.8	VHM	FPT	383.3

GT Bán: (3,613.27) **GT Mua:** 1,967.26

Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua/bán ròng của NĐTNN (tỷ VND)



Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

Sau 03 tuần liên tiếp thị trường phục hồi, VNINDEX tăng điểm từ vùng giá quanh 1.720 điểm lên vùng giá 1.880 điểm, vùng đỉnh tháng 6/2026. Thị trường đã có tuần giao dịch kém tích cực. VNINDEX chịu áp lực bán mạnh trong phiên đầu tuần, phục hồi trong 03 phiên tiếp theo với thanh khoản giảm và tiếp tục chịu áp lực bán mạnh trong phiên cuối tuần với thanh khoản gia tăng. Kết tuần VNINDEX giảm -3,12% về mức 1.795,21 điểm, dưới kháng cự tâm lý 1.800 điểm. Trong khi VN30 chịu áp lực bán ở kháng cự mạnh 2.000 điểm. Kết tuần VN30 giảm -2,43% về mức 1.936,69 điểm, dưới kháng cự quanh 1.960 điểm, tương ứng giá trung bình 200 phiên.

Độ rộng thị trường trong tuần tiêu cực. Áp lực điều chỉnh trên hầu hết các nhóm ngành. Giảm mạnh ở nhóm chứng khoán, thủy sản, bất động sản, cao su, khu công nghiệp, nông nghiệp, hàng không, bán lẻ, dệt may, cảng... Trong khi phục hồi khá tốt ở nhóm năng lượng khi giá dầu tăng mạnh trở lại. Thanh khoản trong tuần tăng, khối lượng giao dịch tăng mạnh trong phiên cuối tuần. Thể hiện áp lực bán mạnh khá đột biến. Khối ngoại bán ròng trong tuần này với giá trị -1.646 tỷ đồng trên HOSE.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411G9000 kết phiên ở mức 1.940,0 điểm, giảm -1,80% so với phiên trước. Chênh lệch chuyển sang dương 3,31 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411A000, 411GC000, 411H3000 chênh lệch từ 3,11 điểm đến 7,81 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch giảm -2,3% so với phiên trước. Các trader giảm vị thế đầu cơ trong phiên. Nghiên về VN30 phục hồi sau phiên giảm mạnh. Ưu tiên phòng ngừa rủi ro cho thị trường cơ sở khi xu hướng VN30 suy yếu. Xu hướng ngắn hạn 411G9000 suy yếu, vùng hỗ trợ 1.935 điểm, kháng cự 1.960 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411G9000 là 32.513, tăng các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VNINDEX tích lũy kém tích cực sau khi tạo đỉnh, chịu áp lực bán mạnh ở vùng giá quanh 1.880 điểm. Ngắn hạn VNINDEX đang kiểm định lại vùng hỗ trợ mạnh quanh 1.790 điểm, tương ứng vùng giá trung bình 200 phiên. Trong trường hợp tích cực thị trường cần phục hồi với dòng tiền cải thiện ở vùng giá này. Trong khi VN30 đang suy yếu khi giao dịch dưới đường giá trung bình 200 phiên quanh 1.960 điểm.

Trong những báo cáo trước, cũng như báo cáo chiến lược tháng 9/2026. Chúng tôi đã nhận định, chưa có dự báo VN30 sẽ vượt được vùng kháng cự rất mạnh 2.000 điểm - 2.025 điểm. Dự kiến áp lực cung giá cao sẽ gia tăng trở lại và VNINDEX có thể liên tục chịu áp lực điều chỉnh kiểm định lại vùng giá 1.800 điểm. Chúng tôi cũng khuyến nghị cần trọng khi xem xét giải ngân. Hiện tại kỳ vọng áp lực bán sẽ giảm, thị trường sẽ cân bằng và có thể hồi phục quanh vùng giá VNINDEX 1.800 điểm. Tuy nhiên hiện tại hầu hết các nhóm ngành còn lại xu hướng giá trung dài hạn vẫn trong quá trình điều chỉnh, tích lũy kéo dài, không có nhiều cơ hội đầu tư vượt trội. Nhà đầu tư nên cân bằng danh mục, chỉ xem xét gia tăng khi lực cầu, xu hướng ngắn hạn cải thiện trở lại.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
PVD	18.55	18.5	21-23	17.5	15.5	23.7%	-32.2%	Theo dõi GD	55	36
DPM	22.40	21.5	26-27	20.0	8.6	31.8%	124.9%	Theo dõi GD	71	40
GAS	82.90	82.0	88-90	80.0	15.7	43.8%	23.4%	Theo dõi GD	78	63
PVP	18.90	18.0	20-21	17.0	6.1	29.7%	199.8%	Theo dõi GD	83	74
PHR	32.80	32.0	70-72	31.0	4.8	10.4%	300.3%	Theo dõi GD	87	34
DRI	14.50	13.8	16.5-17.5	13.0	4.7	113.6%	212.3%	Theo dõi GD	92	69
BVH	64.00	63.0	72-74	60.0	14.3	0.4%	55.4%	Theo dõi GD	75	42
VOS	11.45	11.0	14-14.5	10.5	4.1	10.3%	315.3%	Theo dõi GD	75	27

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

Xu Hướng \ Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn thông	Dầu Khí	Dệt May- Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn	Tang Truong	Điều Chỉnh	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Tang Truong	Tích Luy	Điều Chỉnh	Điều Chỉnh	Tích Luy	Tang Truong	Điều Chỉnh	Điều Chỉnh
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Tích Luy	Am_Tang	Am_Giam	Tích Luy	Duong_Tang	Am_Tang	Am_Tang
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	-324.7	112.2	85.9	128.5	79.0	-346.0	206.5	106.8
Tương quan- VNINDEX	Yếu hơn- Mạnh hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn- Mạnh hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	VIC	PHP	DRI	HCM	FPT	PVP	TET	LHG
	VPI	MVN	TRC	TVS	VGI	PVT	PTG	VGC
Xu Hướng \ Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng- VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón- Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Tích Luy	Điều Chỉnh	Điều Chỉnh	Tích Luy	Tích Luy	Điều Chỉnh	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Duong_Giam	Am_Tang	Am_Giam	Am_Tang	Am_Giam	Tích Luy	Duong_Giam
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	223.6	122.7	132.6	264.5	233.1	78.6	-266.0	167.1
Tương quan- VNINDEX	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	PRE	PET	TVN	SEA	NTP	SSB	DHB	AST
	PGI	MCH	POM	ANV	DHA	STB	DPM	SAS
Xu Hướng \ Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Phục Hồi	Tang Truong	30
Ngắn trung hạn	Tích Luy	Điều Chỉnh	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Điều Chỉnh	13
Dòng tiền trung hạn	Tích Luy	Am_Tang	Tích Luy	Am_Tang	Am_Tang	Am_Giam	Am_Tang	9
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	260.7	169.2	239.8	-164.7	-128.4	219.6	66.5	26
Tương quan- VNINDEX	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	58	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	
Cổ phiếu TOP	TDB	SBT	DP3					
	PGV	NAF	DPP					

TIN NỔI BẬT

Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc chỉ đạo giải quyết dứt điểm vướng mắc cho doanh nghiệp xây dựng

Chiều 10/09/2026, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc đã làm việc với Hiệp hội Các nhà thầu xây dựng Việt Nam và một số doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt tại các dự án đầu tư công.

Chỉ đạo giải quyết dứt điểm, ngăn chặn cạnh tranh không lành mạnh. Phát biểu kết luận, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc yêu cầu các bộ, ngành và địa phương phải xử lý các kiến nghị một cách rõ ràng, thực chất, hướng tới giải quyết dứt điểm vấn đề, không viện dẫn chung chung các quy định pháp luật. Đối với Bộ Tài chính, Phó Thủ tướng Thường trực đề nghị nghiên cứu và phối hợp xử lý các đề xuất của Hiệp hội thuộc thẩm quyền.

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định nâng lãi suất tiền gửi chủ chốt thêm 25 điểm cơ bản, từ 2,25% lên 2,5%, đúng như dự báo của giới đầu tư.

NHTW châu Âu nâng lãi suất lên 2,5%

Động thái này diễn ra chỉ vài ngày sau khi số liệu cho thấy lạm phát tại khu vực đồng Euro tăng lên 3,3% trong tháng 8, trong khi lạm phát năng lượng tăng vọt lên 14,3%. Là khu vực nhập khẩu ròng năng lượng, eurozone đã chứng kiến lạm phát vượt mục tiêu 2% của ECB kể từ khi chiến tranh tại Trung Đông khiến giá dầu tăng vọt và tiếp tục biến động mạnh. ECB dự báo lạm phát cơ bản, không bao gồm năng lượng và thực phẩm, sẽ ở mức 2,5% trong năm 2026, 2,6% năm 2027 và 2,3% năm 2028.

Giá xăng, dầu đồng loạt tăng từ 15h ngày 10/9/2026

Chiều 10/9, liên Bộ Công Thương, Bộ Tài chính quyết định điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu, áp dụng từ 15h cùng ngày. Theo đó, tăng 1.260 đồng/lít với xăng E5 RON 92 và tăng 960 đồng/lít với xăng E10 RON 95. Sau điều chỉnh, giá bán lẻ với xăng E5 RON 92 là 23.740 đồng/lít và xăng E10 RON 95 là 24.230 đồng/lít.

Tương tự, dầu diesel tăng 740 đồng/lít lên 28,480 đồng/lít, dầu mazut được điều chỉnh tăng 510 đồng/lít lên mức 18,150 đồng/kg. Ở kỳ điều hành này, cơ quan quản lý quyết định không trích quỹ bình ổn mà chỉ sử dụng quỹ với xăng 500 đồng/lít. Liên quan đến thị trường dầu thô thế giới, dầu thô Brent, loại dầu chuẩn tham chiếu của thị trường quốc tế, đã vượt mốc 100 USD/thùng lần đầu tiên kể từ tháng 7, khi giới giao dịch phản ứng trước căng thẳng leo thang ở Trung Đông.

Theo Báo Lào Cai, ngày 10/09, tại khai trường Quý Xa, máy xúc đã hoạt động trở lại. Khu vực chế biến cũng được đưa vào vận hành, với hệ thống băng tải liên tục chuyển quặng về điểm tập kết. Mỏ sắt Quý Xa là một trong những mỏ quặng sắt có quy mô lớn tại Việt Nam, với trữ lượng ban đầu khoảng 120 triệu tấn.

Mỏ sắt Quý Xa tái khởi động sau khi đổi chủ

Đối tác Trung Quốc rút lui, Mỏ Quý Xa đổi chủ. CTCP Khai thác và Chế biến Kim loại Thủ Đô được thành lập vào tháng 12/2025. Tại thời điểm thành lập, các cổ đông của Công ty bao gồm CTCP Gang thép Hòa Phát góp 40% vốn và ông Trần Đình Long góp 10%. Các cổ đông còn lại gồm CTCP Đầu tư KVS (10%), ông Trần Đăng Khoa (25%), ông Phạm Anh Đức (5%), ông Nguyễn Mạnh Tuấn (5%) và ông Nguyễn Ngọc Quang (5%). Trong thời gian từ tháng 5 đến 7/2026, doanh nghiệp này nắm 99,85% vốn điều lệ Khoáng sản và Luyện kim Việt - Trung, trong khi 0,15% còn lại thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường.

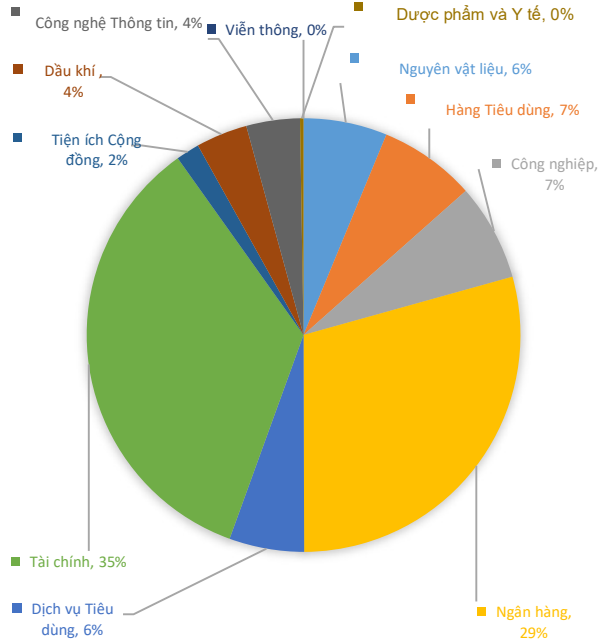
Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS, HOSE: GAS) thông báo chốt quyền trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25%, tương đương 2.500 đồng/cp. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 22/09.

PV GAS sắp chi hơn 6 ngàn tỷ trả cổ tức

Ngày thanh toán dự kiến là 20/11. Với hơn 2,41 tỷ cp đang lưu hành, tổng số tiền PV GAS phải chi cho đợt cổ tức này khoảng 6,03 ngàn tỷ đồng. Trong đó, cổ đông chi phối là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) sẽ là bên hưởng lợi lớn nhất, với số tiền nhận về ước tính khoảng 5,78 ngàn tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu gần 95,8%

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Top Vốn hóa

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,921,141	13.9%	2,753	89.9	11.2
VHM	594,753	32.6%	9,730	7.4	2.3
VCB	488,807	17.9%	4,984	11.7	2.0
BID	279,627	17.7%	4,250	8.5	1.4
CTG	234,173	21.8%	5,172	5.8	1.2

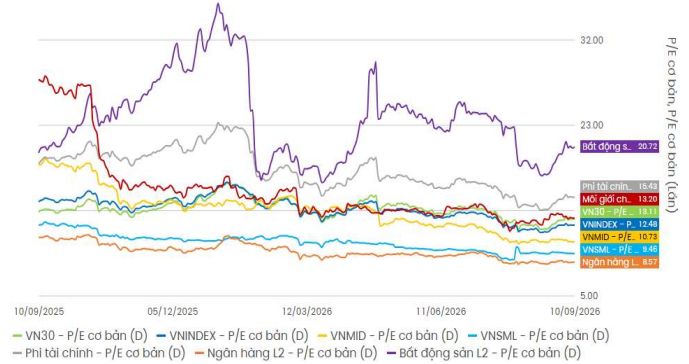
Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
HID	↑ 20.95%	-2.4%	-241	(17.7)	0.4
HII	→ 14.44%	24.0%	3,190	3.3	0.7
HU1	→ 14.00%	2.1%	336	17.0	0.5
PVT	↓ 10.78%	16.1%	2,761	8.1	1.2
APH	↓ 7.71%	9.4%	1,017	6.4	0.6

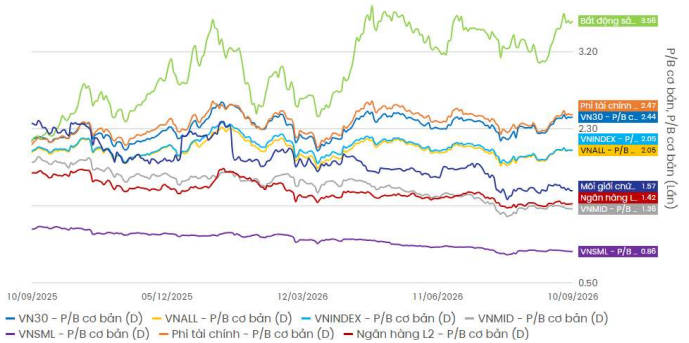
Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	11,651,980	17.4%	2,750	7.8	1.3
FPT	5,253,361	26.5%	5,863	12.5	3.1
BSR	4,823,528	30.5%	3,974	7.0	1.9
TCB	4,662,444	14.8%	3,829	8.4	1.3
VIB	3,986,042	15.7%	2,180	6.1	1.0

Định giá Thị trường: P/E



Định giá Thị trường: P/B



Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	243,221,200	17.3%	2,563	4.5	0.7
VIX	210,946,700	16.5%	2,156	6.3	1.1
VPB	94,991,200	16.6%	3,758	7.2	1.2
HPG	94,780,500	17.4%	2,750	7.8	1.3
SSI	81,227,600	13.4%	1,753	11.8	1.5

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
FIR	↑ -17.39%	-1.7%	-184	(16.5)	0.3
SPM	→ -12.66%	-0.4%	-223	-	0.0
TTF	↓ -10.84%	-97.6%	-643	(2.4)	7.5
NO1	↓ -10.44%	-1.0%	-129	(31.7)	0.3
HQC	↓ -8.88%	1.3%	125	15.7	0.2

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	(11,639,768)	17.3%	2,563	4.5	0.7
DXG	(10,206,134)	1.4%	157	69.3	1.0
VHM	(9,583,285)	32.6%	9,730	7.4	2.3
MBB	(9,484,171)	20.7%	3,225	6.1	1.3
CTG	(7,229,960)	21.8%	5,172	5.8	1.2

LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

Mã CK	Ngày thực hiện với Niêm yết Ngày GDKHQ với Cổ tức, thưởng, phát hành thêm & ĐHCĐ	Loại Sự Kiện
TV3	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP
BAL	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 350 đồng/CP
DGC	14/09/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền, 3.000 đồng/CP
DGC	14/09/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 5.000 đồng/CP
MTA	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 100 đồng/CP
PBP	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:85
PCE	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.400 đồng/CP
SZE	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 400 đồng/CP
DMC	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2.500 đồng/CP
DHG	14/09/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 5.000 đồng/CP
GTA	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 350 đồng/CP
PVS	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20
TDT	14/09/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 400 đồng/CP
MVC	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 600 đồng/CP
GTS	14/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.200 đồng/CP
KHP	14/09/2026	Giao dịch bổ sung - 1.809.772 CP
KHW	14/09/2026	Giao dịch bổ sung - 7.149.923 CP
RCD	14/09/2026	Hủy niêm yết cổ phiếu
TLG	14/09/2026	Giao dịch bổ sung - 1.300.000 CP
YEG	14/09/2026	Giao dịch bổ sung - 45.000.000 CP
SDG	14/09/2026	Đưa cổ phiếu ra khỏi diện kiểm soát
SGD	14/09/2026	Đưa cổ phiếu ra khỏi diện kiểm soát
BKC	14/09/2026	Giao dịch bổ sung - 6.731.181 CP
AAT	14/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
PEG	14/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
SLS	14/09/2026	Họp ĐHCĐ thường niên năm 2026
OGC	14/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
VSN	14/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
PNG	14/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
OCH	14/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
PAT	15/09/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2.900 đồng/CP
CC1	15/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1
SBM	15/09/2026	Trả cổ tức đợt 2/2026 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
TRC	15/09/2026	Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:3
BHN	15/09/2026	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1.320 đồng/CP
BHN	15/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.520 đồng/CP
SRF	15/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP
V68	15/09/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026
BHN	15/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
AVC	15/09/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026

LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

Mã CK	Ngày thực hiện với Niêm yết Ngày GDKHQ với Cổ tức, thưởng, phát hành thêm & ĐHCĐ	Loại Sự Kiện
DSE	15/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
SZL	16/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 2.500 đồng/CP
SZL	16/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:7
ACG	16/09/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
TRA	16/09/2026	Giao dịch bổ sung - 41,450,540 CP
IDC	16/09/2026	Giao dịch bổ sung - 37.948.041 CP
VNR	16/09/2026	Giao dịch bổ sung - 10.031.026 CP
GDT	16/09/2026	Giao dịch bổ sung - 2.461.020 CP
TDP	17/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10
TRS	17/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15
BCF	17/09/2026	Trả cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền, 800 đồng/CP
PVP	17/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1.000 đồng/CP
SSM	17/09/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026
QCG	17/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
CTD	17/09/2026	Họp ĐHCĐ thường niên năm 2026
CMC	17/09/2026	Họp ĐHCĐ bất thường năm 2026
HPW	17/09/2026	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2026
CKA	18/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 12.000 đồng/CP
MSR	18/09/2026	Giao dịch bổ sung - 674.100 CP
CLM	18/09/2026	Giao dịch bổ sung - 3.464.925 CP
M10	18/09/2026	Giao dịch bổ sung - 1.511.000 CP

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích

Ngô Thế Hiến

Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường

Phan Tấn Nhật

Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường
Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC,
số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành,
TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số
06 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải
Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội,
số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa
Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact-hcm@shs.com.vn